

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST

Ngày 07 tháng 4 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Hoàng Thương

Ông Nguyễn Đình Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoàng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Mai Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/TLST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Phi L (Tên gọi khác: Nguyễn Thanh L), sinh ngày: 09/3/1976 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân P và bà Nguyễn Thị H (cả hai đều đã chết); đã ly hôn và có 01 con;

Tiền án: - Ngày 22/4/2011, bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù giam về tội đánh bạc.

- Ngày 27/9/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù giam ngày 28/02/2016;

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 05/9/2017 đến ngày 03/11/2017 được tại ngoại theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 04/02/2018 bị bắt tạm giam theo lệnh truy nã, có mặt tại phiên tòa.

* Người bị hại: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 và Lê Thị T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Huỳnh Thị Tr - sinh năm 1966; Nơi cư trú: Tổ 107, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng. (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Nh – sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn Y, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2017, Nguyễn Phi L nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua cách thức làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa hồng) cấp cho Nguyễn Phi L để bán cho người khác nhằm chiếm đoạt tiền. Thông qua Internet Nguyễn Phi L tìm và thuê được người làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 10.7.2012, có ký hiệu lần lượt là BK462019 (*đối với lô đất số 195, tờ bản đồ số B2-3, khu B2-3, khu dân cư số 1, đường ĐT605, Hòa Châu, Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*) và BK462017 (*đối với lô đất số 185, tờ bản đồ số B2-3, khu B2-3, khu dân cư số 1, đường ĐT605, Hòa Châu, Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng*) với giá 7.000.000đ cho một Giấy chứng nhận. Trong quá trình giao dịch thuê làm bìa đỏ, L lấy tên và dùng sim điện thoại khác nên không có cơ sở để điều tra, xác định đối tượng nhận làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó L đã hủy sim điện thoại.

Đến ngày 01.9.2017, Nguyễn Phi L gặp và nói với anh Nguyễn Văn H là có bìa đỏ muốn cầm để vay tiền nhưng anh H nói nếu L bán thì vợ chồng anh mua, không nhận cầm cố. L đồng ý bán và đưa cho anh H và vợ là chị Lê Thị T xem bản phô tô của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK462019, và nói là bản chính của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang đi cầm chưa lấy được, đồng thời L cho anh H số điện thoại của bà Huỳnh Thị Tr là người đang cầm cố bìa hồng của L để anh H điện thoại kiểm tra. Sau khi anh H điện thoại xác định bà Tr là người nhận cầm cố bìa hồng của L (nhưng không hỏi bìa đỏ có số hiệu, lô đất nào), các bên thỏa thuận, thống nhất giá chuyển nhượng là 610.000.000đ. Đến ngày 03.9.2017, như đã hẹn L cùng người tên Đ đem bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK462019 đến nhà anh H và viết giấy nhận tiền cọc là 190.000.000đ, hẹn ngày 05.9.2017 đến văn phòng công chứng Pháp chứng ký hợp đồng chuyển nhượng.

Trong quá trình làm thủ tục tại phòng công chứng thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hòa Vang lập biên bản, tạm giữ tang vật.

*** Tang vật tạm giữ gồm:**

- 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK462019 và BK462017;
- Hợp đồng mua bán đất ngày 03.9.2017;
- Phiếu yêu cầu công chứng ngày 05.9.2017;
- Bản thảo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- Giấy vay tiền có thế chấp ngày 25.7.2017.

Theo kết luận giám định số 513 ngày 13/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

Chữ ký Đặng Phú H trên tài liệu cần giám định (ký hiệu là A) so với các chữ ký Đặng Phú H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M12) không phải do một người ký ra;

Hình dấu tròn có nội dung vòng ngoài: “U.B.N.D HUYỆN H TP. ĐÀ NẴNG” trên tài liệu cần giám định (A) so với hình dấu tròn có nội dung vòng ngoài: “U.B.N.D HUYỆN H TP. ĐÀ NẴNG” trên các tài liệu mẫu so sánh (M1 đến M12) không phải do cùng một con dấu đóng ra;

Các bản in tài liệu cần giám định (A) so với bản in tài liệu mẫu so sánh (M1) không phải do cùng một bản in ra.

Theo kết luận giám định số 524 ngày 25/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận:

Chữ ký Đặng Phú H trên tài liệu cần giám định (ký hiệu là A) so với các chữ ký Đặng Phú H trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M12) không phải do một người ký ra;

Hình dấu tròn có nội dung vòng ngoài: “U.B.N.D HUYỆN H TP. ĐÀ NẴNG” trên tài liệu cần giám định (A) so với hình dấu tròn có nội dung vòng ngoài: “U.B.N.D HUYỆN H TP. ĐÀ NẴNG” trên các tài liệu mẫu so sánh (M1 đến M12) không phải do cùng một con dấu đóng ra;

Các bản in tài liệu cần giám định (A) so với bản in tài liệu mẫu so sánh (M1) không phải do cùng một bản in ra.

*** Phần dân sự:**

Nguyễn Phi L đã bồi thường cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T số tiền 20.000.000đ. Trả cho bà Huỳnh Thị Tr số tiền 20.000.000đ. Ông H, bà T và bà Tr yêu cầu bị cáo L tiếp tục bồi thường và hoàn trả tiền theo cam kết.

Tại bản cáo trạng số 57/KSĐT ngày 23.11.2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Phi L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Phi L và đề nghị HĐXX áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, điểm c, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt Nguyễn Phi L từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc Nguyễn Phi L tiếp tục trả lại cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng) và tịch thu tiêu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được làm giả có số BK462019, BK462017 mang tên người sử dụng Nguyễn Phi L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng tháng 3, tháng 4 năm 2017, Nguyễn Phi L đã thuê người làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK462019 và BK462017 cấp cho Nguyễn Phi L nhằm mục đích cầm cố và bán lấy tiền tiêu xài. Đến đầu tháng 9 năm 2017, L gặp và đồng ý chuyển nhượng lô đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK462019 cho vợ chồng bà Lê Thị T với giá 610.000.000đ, L đã nhận tiền đặt cọc 190.000.000đồng, đến ngày 05/9/2017, khi các bên đến công chứng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 như cáo trạng số 57/KSĐT ngày 23.11.2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoà Vang, Tp. Đà Nẵng đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Bị cáo có 02 tiền án, cụ thể ngày 22/4/2011 bị Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Đánh bạc”, khi chưa được xóa án tích thì bị cáo tiếp tục phạm tội và ngày 27/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xử phạt 03 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng là tái phạm. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày

28/02/2016, tính đến ngày 05/9/2017 chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới, do đó bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đồng thời tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 190.000.000đ nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo với 2 tình tiết định khung quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an của xã hội, do đó cần thiết xét xử bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại cho người bị hại, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã từng có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, có cha là Nguyễn Xuân P và mẹ là Nguyễn Thị H đều là những người có công cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất và nhiều huân chương cao quý khác. Vì vậy, HĐXX áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra Nguyễn Phi L đã bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T số tiền 20.000.000đ; số tiền còn lại là 170.000.000đ ông H, bà T yêu cầu bị cáo phải trả lại, do đó HĐXX căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T số tiền 170.000.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được làm giả có số BK462019 và BK462017 mang tên người sử dụng Nguyễn Phi L, được bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, HĐXX tuyên tịch thu tiêu hủy.

[7] Đối với việc bị cáo được bà Huỳnh Thị Tr cho mượn 160.000.000đ (thỏa thuận miệng, không có tài sản thế chấp), trước khi xác lập giao dịch dân sự bị cáo không có hành vi gian dối đối với bà Tr để mượn tiền, không có ý định chiếm đoạt tiền của bà Tr. Sau khi nhận được tiền, bà Tr yêu cầu bị cáo giao GCNQSD đất để làm tin và viết giấy vay tiền, do đó hành vi giao GCNQSD đất giả có số BK642017 cho bà Tr và viết giấy vay tiền có thế chấp của bị cáo không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo cũng đã trả cho bà Tr số tiền 20.000.000đ.

Tại phiên tòa, bà Tr và Nguyễn Phi L xác nhận số tiền Nguyễn Phi L còn nợ lại bà Tr là 140.000.000đ và Nguyễn Phi L hứa sẽ trả lại cho bà Tr sau khi chấp hành xong hình phạt tù, xét thấy đây là giao dịch dân sự nên HĐXX tách thành vụ kiện dân sự riêng khi bà Tr có yêu cầu. Riêng giấy vay tiền có thể chấp do Nguyễn Phi L viết đề ngày 25.7.2017, đây là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Đối với hành vi thuê người làm giả 02 GNCQSD đất của Nguyễn Phi L nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đây là thủ đoạn để bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, không có cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự một tội độc lập. Đối với đối tượng nhận làm thuê GCNQSD đất cho L, hiện tại không xác định được họ tên, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

[9] Đối với hành vi của người tên Đ (không xác định được nhân thân, địa chỉ) trong việc đi cùng với bị can đến nhà chị Lê Thị T và anh Nguyễn Văn H vào ngày 03/9/2017 để lừa đảo, viết giấy nhận tiền đặt cọc chiếm đoạt tài sản, bị cáo không trao đổi với Đ mục đích đến nhà anh Hòa và hiện chưa điều tra, xác định được người tên Đại nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

[10] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo qui định của pháp luật.

[11] Án phí dân sự sơ thẩm Nguyễn Phi L phải chịu là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) ($170.000.000đ \times 5\% = 8.500.000đ$).

[12] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên tiến hành các hoạt động tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Phi L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào: Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm c, e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Phi L 04 (bốn) năm tù, nhưng được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến ngày 03/11/2017 là 02 tháng (sáu mươi ngày). Thời hạn chấp hành hình phạt tù còn lại bị cáo phải chấp hành là 03 (ba) năm 10 (mười) tháng, được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 04.02.2018.

Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng:

Căn cứ vào: Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên: Buộc Nguyễn Phi L tiếp tục bồi thường cho vợ chồng anh Nguyễn Văn H và chị Lê Thị T số tiền 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng)

Tịch thu tiêu hủy 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được làm giả có số BK462019 và BK462017 mang tên người sử dụng Nguyễn Phi L (đã được đóng dấu bút lục số 10, 10a và 47, 48).

(Hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06.02.2018)

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm Nguyễn Phi L phải chịu là 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) ($170.000.000đ \times 5\% = 8.500.000đ$)

Báo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 07.4.2018. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Hoà Vang;
- VKSND tp ĐN;
- Chi cục THADS huyện Hoà Vang;
- Công an huyện Hoà Vang;
- Phòng Kiểm tra TAND tpĐN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA